

Bản án số: 280/2017/HSST

Ngày: 10/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần L đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Ngọc Thắng

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Ông Trần Ngọc Thực

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Đào Công Lữ – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2017/HSST ngày
19/01/2017 đối với:

- *Các bị cáo:*

1. Nguyễn Sĩ H, giới tính: nam; sinh năm: 1968 tại Hải Phòng; thường trú:
thôn H1, xã H2, huyện H3, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: khu 4 H4, H5, tỉnh
Quảng Ninh; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông
Nguyễn Sĩ H6 (chết) và con bà Nguyễn Thị H7; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có
vợ và 02 người con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008); tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 21/4/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái,
tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
(theo Bản án số 68/2011/HSST ngày 21/4/2011).

Nhân thân: Ngày 28/01/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
xử phạt 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án số
20/2016/HSST ngày 28/01/2016). Ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại
Hà Nội xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm (theo Bản án số
165/2017/HSPT ngày 30/3/2017)

Bị cáo H bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 19/10/2014 (bị cáo có
mặt tại phiên tòa).

2. Đặng Trí T, giới tính: nam; Sinh năm: 1975 tại Thành phố Hồ Chí
Minh; thường trú: 95/70/5 đường T1, Tổ 16, Khu phố 1, phường T2, Quận T3,
Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: đại học; nghề nghiệp: buôn bán xe ô

tô; con ông Đặng Văn T4 và bà Huỳnh Thị T5; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ, chưa có con; tiền sự: không;

Tiền án:

1/ Ngày 29/11/2010, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng (theo Bản án số 92/2010/HSST ngày 29/11/2010).

2/ Ngày 22/8/2011, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chuyển hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo (theo Bản án số 92/2010/HSST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu) thành 09 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù (theo Bản án số 209/2011/HSST ngày 22/8/2011).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2014 (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Hòa K, giới tính: nam; Sinh năm: 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 204B/16 K1, Khu phố 6, phường K2, Quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 3B – 1102 Chung cư E, Khu phố 5, phường K4, Quận K3, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Duy K5 và bà Nguyễn Thanh K6; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2014 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hòa K: là Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Y thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng luật sư YY và Luật sư Lê Hồng N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng luật sư N và Associates.

(Luật sư Quỳnh Y có mặt tại phiên tòa, nhưng Luật sư Hồng N vắng mặt tại phiên tòa).

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sĩ H và bị cáo Đặng Trí T là Luật sư Đỗ Ngọc O, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc O (Luật sư O có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Vào lúc 21 giờ ngày 06/6/2014, Đội Cảnh sát trật tự phản ứng nhanh Công an Quận 2, tuần tra đến giao lộ A - B, phường K4, Quận K3, phát hiện Đặng Trí T điều khiển xe mô tô BS: 59Y1-XX chở Nguyễn Hòa K có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Thu giữ trong túi xách của K 01 gói nilon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 37,9811g loại Methamphetamine (viết tắt là MA), 95 viên nén màu trắng ngà khắc hình quả táo là ma túy ở thể

rắn, có khối lượng 27,5325g loại Ketamine (Kết luận giám định số 1134/KLGD-H ngày 07/7/2014 và Công văn số 504/PC54-Đ6 ngày 25/11/2016 giải thích từ ngữ trong kết luận giám định ma túy của Phòng KTHS). K và T khai nhận số ma túy trên, cả hai mua của Nguyễn Sĩ H thông qua giới thiệu của Lê Quang V.

Ngày 26/12/2014 và ngày 26/01/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp Lê Quang V và Nguyễn Sĩ H về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” để tiến hành điều tra. Tuy nhiên trước đó ngày 19/10/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã khởi tố và tạm giam Nguyễn Sĩ H về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” xảy ra tại Quảng Ninh.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Sĩ H, Lê Quang V, Nguyễn Hòa K và Đặng Trí T khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Năm 2013, Nguyễn Sĩ H sang Trung Quốc để mua xe đạp về Việt Nam bán nên quen biết với Pang Gou S (người Trung Quốc) và Uông Thị C. Qua nói chuyện H và những người này liên hệ với nhau để mua ma túy, H bắt đầu mua ma túy của C và Pang Gou S từ tháng 3/2014, mỗi lần mua từ 1 kg đến 2 kg ma túy tổng hợp với giá 440.000.000 đồng/kg và 100 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) với giá 10.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy H vận chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để bán như sau: H chuẩn bị trước một số khung xe đạp rồi nhờ Lê Quang V đem ra cho thợ đặt làm lại rồi vận chuyển bằng đường xe khách của Công ty HL gửi ra Nam Định cho H, lúc đầu V không biết nhưng do V đặt thợ làm khung không đạt yêu cầu nên H mới nói rõ mục đích giấu ma túy cho V biết. T thường H vận chuyển mỗi lần 01 kg ma túy tổng hợp và chỉ giấu trong 02 khung xe đạp (500g/khung xe) nhưng khi gửi, tránh sự phát hiện thì H gửi 05-06 khung xe vào địa chỉ nhà của H tại số 336/28/79 H1, Phường H2, Quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó H đi máy bay vào Thành phố Hồ Chí Minh nhận lại hàng. Tổng cộng H đã mua hơn 03 kg ma túy tổng hợp và 100 viên thuốc lắc của C và Pang Gou S. Số ma túy này H nhờ V chở đi bán cho một số đối tượng không rõ lai lịch là V1, V2, V3, V4... với giá 70.000 đồng/100g, trong đó Trần Khánh D mua 01kg ma túy, Đặng Trí T mua 200g và 100 viên ma túy tổng hợp. H trả công cho V bằng ma túy để V sử dụng và cho tiền tiêu xài.

Tuy nhiên, Trần Khánh D không thừa nhận việc mua bán ma túy với Nguyễn Sĩ H. Do chỉ có lời khai của H nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bằng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với H. Hiện Trần Khánh Bằng bị Cơ quan Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” trong một vụ án khác.

Lê Quang V nghiện ma túy nên vào tháng 4/2014, V đến nhà của H phụ giúp việc để được H cho ma túy sử dụng và tiền tiêu xài, V biết H giấu ma túy ở trong khung xe đạp nhưng không rõ trọng lượng ma túy. Thời gian này V gặp lại Đặng Trí T, qua môi giới của V, T đến mua ma túy của H. V được H cho 03g ma túy tổng hợp để sử dụng, nhưng V bán lại cho Đặng Trí T 02g trong số ma túy này với giá 1.500.000 đồng/01g, sau một thời gian V không làm việc cho H.

Đặng Trí T và Nguyễn Hòa K quen với Lê Quang V và được V giới thiệu để mua ma túy của Nguyễn Sĩ H (còn gọi là ông già Nôn). Do vậy cả hai bàn bạc với nhau về việc hùn tiền mua ma túy để bán cho Huỳnh Văn L (L là bạn của K) để kiếm lời. Sáng ngày 06/6/2014, T chở K đến nhà của H tại số 336/28/79 H1, Phường H2, Quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, K đứng ở ngoài chờ, còn T vào nhà gặp H mua ma túy, tại đây H đồng ý bán thiếu cho T 200g ma túy tổng hợp (loại 100.000.000 đồng/100g, loại 95.000.000đồng/100g) và 100 viên (thuốc lắc) với giá 10.500.000 đồng. Sau đó cả hai bán lại cho L với giá 12.500.000 đồng/100 viên, 105.000.000 đồng/100g ma túy và L trả trước cho T 65.000.000 đồng, còn nợ lại 52.500.000 đồng. Sau khi bán được ma túy, T đến nhà H trả trước số tiền mặt là 61.000.000 đồng và trả lại cho H 100g ma túy, cả hai chia được 2.000.000 đồng tiền lời. Đến trưa ngày 06/6/2014, Lê Quang V điện thoại cho T đòi tiền mua ma túy của H còn thiếu, nên đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T và K đến nhà L đòi nợ nK do L không có tiền nên L phải trả lại cho K và T một phần trong số ma túy đã mua đó là: 95 viên Ketamine và 37,9811g MA, khi trên đường về cả hai T và K bị công an bắt quả tang.

Đối với Huỳnh Văn L, sau khi vụ án được phát hiện, qua xác minh hiện L không có mặt tại địa phương và chỗ ở không nhất định. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, điều tra nếu có cơ sở sẽ xử lý sau. Riêng V1, V2, V3, V4 ... là những người mua ma túy của Nguyễn Sĩ H. Do H khai không rõ lai lịch của những đối tượng trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để xử lý.

Vật chứng của vụ án:

1. Thu giữ của Nguyễn Hòa K:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 1134 có chữ ký của giám định viên Võ Anh Tuấn, bên trong là ma túy còn lại sa giám định;
- 03 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 túi xách màu xám;
- 1.200.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam.

2. Tạm giữ của Đặng Trí T:

- 01 điện thoại di động Nokia và 9.800.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam;
- Riêng đối với xe mô tô nhãn hiệu Piaggio BS: 59Y1-XX thu giữ của Đặng Trí T. Quá trình điều tra đã xác định xe máy này có liên quan đến một vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra trên địa bàn Quận 3, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển vật chứng đến Công an Quận 3 để xử lý theo thẩm quyền.

3. Tạm giữ của Lê Quang V:

- 01 điện thoại di động hiệu Mobell
- Xe mô tô gắn biển số giả 59L1-XX qua giám định số khung và số máy nguyên thủy, không đối và kết quả xác minh tại Đội đăng ký quản lý PTGTCSGBD xe trên chưa có trong cơ sở dữ liệu. Tiến hành xác minh xe mô tô hiệu Honda AirBlade BS 59L1-YY do chị Thái I đăng ký đứng tên và hiện nay chị I đang sử dụng. Lê Quang V khai nhận xe trên V mượn của một người bạn không rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo để truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

Đối với Lê Quang V là đồng phạm trong vụ án đã chết vào ngày 13/10/2016 vì bị lao phổi. Ngày 31/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định đình chỉ điều tra theo khoản 7 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại Cáo trạng số 71/CTr-VKS-P1 ngày 03/01/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Sĩ H, Đặng Trí T và Nguyễn Hòa K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi nêu lên các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đã đề nghị L đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sĩ H, Đặng Trí T và Nguyễn Hòa K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự và tuyên phạt các bị cáo như sau:

Bị cáo Nguyễn Sĩ H: từ 16 năm đến 17 năm tù.

Bị cáo Đặng Trí T: từ 16 năm đến 17 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Hòa K: từ 15 năm đến 16 năm tù.

Đồng thời đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước là bị cáo H 20 triệu đồng, bị cáo T 10 triệu đồng, bị cáo K 10 triệu đồng.

Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sĩ H và Đặng Trí T thống nhất với tội danh và điều luật truy tố đối với các bị cáo, tuy nhiên luật sư trình bày rằng bị cáo T đã trả lại 100g MA cho bị cáo H, còn bị cáo H cũng khai là số ma túy này đã bị công an tỉnh Quảng Ninh thu giữ và được giám định là không có thành phần ma túy, do đó chỉ chấp nhận việc truy tố, xét xử bị cáo T, bị cáo H với số ma túy ở thể rắn là 130g. Ngoài ra luật sư cũng trình bày các tình tiết giảm nhẹ là các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thu lợi bất chính nhỏ và có các con còn nhỏ, bị cáo T có tuổi đời còn trẻ và đề nghị L đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo ở mức đầu của khung hình phạt.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Y bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hòa K trình bày đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư Đỗ Ngọc O về khối lượng 130g ma túy truy tố các bị cáo, đồng thời cũng trình bày rằng trong vụ án này bị cáo K không phải là bị cáo đầu vụ cung cấp ma túy mà chỉ có vai trò đồng phạm, bị cáo K đã tác động gia đình nộp số tiền 2 triệu đồng tiền thu lợi bất chính nên đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Luật sư cũng trình bày thêm về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, gia đình bị cáo thuộc trường hợp có công với Cách mạng. Do đó đề nghị L đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 để xử phạt bị cáo K dưới khung hình phạt truy tố bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các Luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Năm 2013, Nguyễn Sĩ H sang Trung Quốc để mua xe đạp về Việt Nam bán nên quen biết với các đối tượng tên Pang Gou S (người Trung Quốc) và Uông Thị C, sau đó H và những người này liên hệ với nhau để mua ma túy.

Nguyễn Sĩ H bắt đầu mua ma túy của Uông Thị C và Pang Gou S từ tháng 3/2014, mỗi lần mua từ 1 kg đến 2 kg ma túy tổng hợp với giá 440.000.000 đồng/kg và 100 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) với giá 10.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy thì H vận chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để bán bằng cách: H chuẩn bị trước một số khung xe đạp rồi đưa cho đối tượng tên là Lê Quang V đem ra cho thợ đặt làm lại khung xe, sau đó về H bỏ ma túy vào khung xe rồi vận chuyển cả chiếc xe đạp vào Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi lần H lấy 01 kg ma túy tổng hợp giấu trong 02 khung xe đạp (500g/khung xe), nK trách sự phát hiện nên khi gửi thì H lại gửi 05 đến 06 khung xe vào địa chỉ nhà của H tại số 336/28/79 H1, Phường H2, Quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó H đi máy bay vào Thành phố Hồ Chí Minh nhận lại hàng. Về phía V lúc đầu không biết việc H giấu ma túy trong khung xe đạp nhưng do V đặt thợ làm khung xe đạp không đạt yêu cầu nên H mới nói rõ cho V biết.

Đối với Lê Quang V là đối tượng nghiện ma túy nên tháng 4/2014, V đến nhà của H phụ giúp việc để được H cho ma túy sử dụng và cho tiền tiêu xài. Trong thời gian này V gặp lại Đặng Trí T và V đã môi giới cho T đến mua ma túy của H và V được H cho 03g ma túy tổng hợp để sử dụng, nhưng V đã lấy 02g trong số ma túy này bán lại cho T với giá 1.500.000 đồng/01g. Ngày 16/12/2014 Lê Quang V bị công an bắt tạm giam, nhưng đến ngày 13/10/2016 V đã chết do bệnh lao phổi, nên vào ngày 31/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định đình chỉ điều tra theo khoản 7 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đối với Lê Quang V.

Về phía Đặng Trí T sau khi được V giới thiệu mua ma túy của H thì T rủ Nguyễn Hòa K hùn tiền mua ma túy của H rồi bán cho đối tượng tên Huỳnh Văn L (L là bạn của K) để kiếm lời. Sáng ngày 06/6/2014, T chở K đến nhà của H tại số 336/28/79 H1, Phường H2, Quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến nơi, K đứng ở ngoài chờ, còn T vào nhà gặp H mua ma túy, tại đây H đồng ý bán thiếu cho T 200g ma túy tổng hợp (loại 100.000.000 đồng/100g, loại 95.000.000đồng/100g) và 100 viên (thuốc lắc) với giá 10.500.000 đồng. Sau đó cả T và K bán lại số ma túy này cho L với giá 12.500.000 đồng/100 viên, 105.000.000 đồng/100g ma túy và L trả trước cho T 65.000.000 đồng, còn nợ lại 52.500.000 đồng, tiếp sau đó T đến nhà H trả trước số tiền mặt là 61.000.000 đồng và trả lại cho H 100g ma túy. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/6/2014 T và K

đến nhà L đòi nợ nhưng L không có tiền nên L phải trả lại cho K và T một phần trong số ma túy đã mua đó là: 95 viên Ketamine và 37,9811g MA, và vào khoảng 21 giờ cùng ngày, khi K và T đang trên đường mang số ma túy quay về đến giao lộ A - B, phường K4, Quận K3 thì bị Đội Cảnh sát trật tự phản ứng nhanh Công an Quận Quận 2 phát hiện bắt giữ, thu giữ trong túi xách của K 01 gói nilon chứa tinh thể không màu.

Theo Kết luận giám định số 1134/KLGD-H ngày 07/7/2014 và Công văn số 504/PC54-Đ6 ngày 25/11/2016 giải thích từ ngữ trong kết luận giám định ma túy của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 gói nilon có chứa tinh thể không màu thu giữ trong túi xách của K là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 37,9811g loại Methamphetamine (viết tắt là MA); 95 viên nén màu trắng ngà khắc hình quả táo là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 27,5325g loại Ketamine.

Với hành vi nêu trên, đủ cơ sở xác định các bị cáo (H, T, K) đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào Kết luận giám định và Công văn giải thích từ ngữ trong Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự thì 01 viên nén màu trắng, khắc hình quả táo là ma túy ở thể rắn có khối lượng là 0,2898g loại Ketamine, từ đó có cơ sở xác định 100 viên Ketamine có khối lượng là 28,98g ($100 \text{ viên} \times 0,2898\text{g/viên} = 28,98\text{g}$).

Đối với bị cáo H đã bán cho bị cáo T 200g MA và 100 viên Ketamine (có khối lượng 28,98g); đồng thời, H còn cho Lê Quang V 03 gam MA nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số các chất ma túy ở thể rắn là 231,98g. Đối với các bị cáo T và K đã bàn bạc hùn tiền mua ma túy của bị cáo H gồm 200g MA và 100 viên Ketamine (có khối lượng 28,98g) nên bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số các chất ma túy ở thể rắn là 228,98g. Ngoài ra, đối với bị cáo T còn mua của V 02 gam MA nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số các chất ma túy ở thể rắn là 230,98g. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Hòa K, Đặng Trí T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ Luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã L, không những trực tiếp gây mất trật tự trị an cho xã L mà còn đe dọa xâm hại đến sức khỏe của cộng đồng. Ma túy không những hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng nó, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên và gieo rắc những cái chết trắng cho giới trẻ, là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo biết và nhận thức được ma túy là loại độc chất gây nghiện mà Nhà nước Việt Nam và các nước khác trên thế giới đã và đang nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi có liên quan đến ma túy, nhưng vì động cơ vụ lợi mà vẫn cố ý vi phạm. Do vậy, L đồng xét xử xét cần phải có mức án thật nghiêm, tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo, mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã L.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng xem xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án. Bị cáo H là người mua ma túy rồi vận chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh bán lại cho bị cáo T và bị cáo K, do đó bị cáo H có vai trò cao nhất. Còn bị cáo T là người quen biết với V, T qua mối quan hệ này để mua ma túy và cùng với K bán lại cho đối tượng L nên bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo K.

Khi lượng hình, L đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt lẽ ra các bị cáo phải chịu, cụ thể là: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và đồng thời bị cáo đã vận động gia đình nộp lại số tiền 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Tuy vậy, đối với bị cáo Đặng Trí T ngày 29/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 9 tháng tù nK cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, đến ngày 05/01/2011 bị cáo lại có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù và tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 04/4/2013 thì đến ngày 06/6/2014 bị cáo bị bắt quả tang về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, nên bị cáo T đã tái phạm, chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Còn đối với bị cáo Nguyễn Sĩ H, vào ngày 21/4/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nhưng chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra đối với bị cáo H vào ngày 28/01/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo H trong vụ án này xảy ra trước hành vi phạm tội của H tại Quảng Ninh nên không xem xét là tiền án, nK cần tổng hợp hình phạt theo quy định Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung).

L đồng xét xử xét thấy ngoài hình phạt chính là hình phạt tù cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự để sung quỹ Nhà Nước (bị cáo H phạt bổ sung 20.000.000 đồng, bị cáo T, bị cáo K phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng) và cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền mà các bị cáo đã thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước (bị cáo T, bị cáo K mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 2.000.000 đồng).

Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát và một phần lời trình bày của các Luật sư tại phiên tòa.

*** Về xử lý tang vật:**

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Exciter gắn biển số giả 59L1- XX thu giữ của Lê Quang V, qua giám định có số khung là RLCE55P10DY235118 và số máy là 55P1-23513, V khai mượn chiếc xe này của một người bạn không rõ lai lịch. Qua kết quả xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe có số khung, số máy nêu trên do ông Hoàng Tuấn Lực đứng tên, nhưng ông Lực không còn cư trú tại địa chỉ theo kết quả xác minh, do đó cần thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe này trong thời hạn 06 tháng và trả lại cho ai chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe có đặc điểm nêu trên. Trường hợp quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày đăng thông báo mà không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc xe này.

- Đối với số tiền 9.800.000 đồng thu giữ của bị cáo T, trong số tiền này có 2.000.000 đồng là tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền này, nhưng để thuận lợi cho việc thi hành án, nên cần trừ số tiền thu lợi bất chính này vào số tiền thu giữ của bị cáo T. Sau khi cần trừ thì số tiền còn dư là 7.800.000 đồng sẽ tiếp tục cần trừ vào số tiền xử phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Về số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của bị cáo K là một phần trong tổng số tiền bị cáo K thu lợi bất chính 2.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 27/6/2017, ông Nguyễn Duy K5 là cha của bị cáo K đã nộp số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai số 34443 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, và ông K5 xác nhận số tiền này là tiền của K nộp. Do vậy cần cần trừ số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng mà bị cáo K phải nộp vào số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của bị cáo K và số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai số 34443 ngày 26/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cần trừ thì số tiền còn dư là 1.200.000 đồng sẽ tiếp tục cần trừ vào số tiền xử phạt bổ sung đối với bị cáo K.

- Các bị cáo sử dụng điện thoại làm phương tiện liên lạc để phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 gói ma túy, 01 cái túi xách vải màu xám không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:** Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

*** Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Hòa K và Nguyễn Trí T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Sĩ H** 18 (mười tám) năm tù.

- Áp dụng Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 17 (mười bảy) năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 165/2017/HSPT ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, bị cáo Nguyễn Sĩ H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2017), nK được trừ đi thời hạn tạm giam trước từ ngày 19/10/2014 đến ngày 10/8/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Sĩ H phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Đặng Trí T** 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2014.

Xử phạt bổ sung: Buộc bị cáo Đặng Trí T phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Hòa K** 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2014.

Xử phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Hòa K phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

- Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính:

- + Bị cáo Đặng Trí T phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- + Bị cáo Nguyễn Hòa K phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Cấn trừ số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mà bị cáo T phải nộp vào số tiền thu giữ của bị cáo T là 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền còn dư là 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiếp tục cấn trừ vào số tiền xử phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Cấn trừ số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mà bị cáo K phải nộp vào số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo K và số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai số 34443 ngày 26/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền còn dư tiếp tục cấn trừ vào số tiền xử phạt bổ sung đối với bị cáo K.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- + 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia 100 màu xanh: 355195/05/257371/3

- + 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia X2-02: 351697/05/271924/0

- + 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia 1061 màu đỏ: 359583/05/992701/4

- + 01 cái điện thoại di động hiệu Mobell không số, không pin.

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 túi xách vải màu xám 30x40cm.

- + 01 gói có số 1134 có chữ ký của GĐV Võ Anh Tuấn, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe: 02 bánh, số loại: Exciter, số khung: RLCE55P10DY235118, số máy: 55P1-235136 trong thời hạn 06 tháng và trả lại cho ai chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe có đặc điểm nêu trên. Trường hợp quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày đăng T báo mà không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc xe này.

(Tất cả tiền và tang vật nêu trên theo Giấy nộp tiền ngày 12/9/2014 của Kho bạc nhà nước Quận K3; Biên lai số 34443 ngày 26/7/2017 của Cục Thi

hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận tang tài vật số 377/15 ngày 11/6/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc L; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc L;

Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. L ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (6)
- Bị cáo; (3)
- Luật sư; (3)
- THAHS; (3)
- P. PC 53 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) (4)

Ngô Ngọc Thắng